

BÁO CÁO TUẦN 52

23/12 - 27/12/2024

VN-Index tạm cân bằng quanh SMA 100 và 200

MỤC LỤC

1. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

2. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

3. PTKT VN-INDEX: *VN-Index tạm cân bằng quanh SMA 100 và 200*

4. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Truyền thông +23.92%*

5. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

6. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Diễn biến thị trường chứng khoán các nước

TTCK các nước	20/12/2024	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
US (S&P500)	5930.85	1.1%	-2.0%	0.2%	24.9%
EU (EURO STOXX 50)	4862.28	-0.3%	-2.1%	2.8%	7.5%
Trung Quốc (SHCOMP)	3368.069	-0.1%	-0.7%	0.0%	15.4%
Nhật Bản (NIKKEI)	38701.9	-0.3%	-1.9%	0.9%	16.8%
Hàn Quốc (KOSPI)	2404.15	-1.3%	-3.6%	-3.1%	-7.5%
Singapore (STI)	3719.93	-1.1%	-2.4%	-0.6%	19.5%
Thái Lan (SET)	1365.07	-0.9%	-4.7%	-6.7%	-2.8%
Phillipines (PCOMP)	6406.38	0.2%	-3.2%	-8.2%	-1.0%
Malaysia (KLCI)	1591.41	-0.5%	-1.1%	-0.4%	9.3%
Indonesia (JCI)	6983.865	0.1%	-4.7%	-2.7%	-3.1%
Việt Nam (VNI)	1257.5	0.2%	-0.4%	3.4%	14.1%
Việt Nam (HNX)	227.07	-0.2%	0.0%	2.6%	-0.6%
Việt Nam (UPCOM)	93.39	0.7%	0.9%	2.5%	8.4%

Nguồn: Bloomberg

TTCK THẾ GIỚI

Hồi phục cuối tuần, Dow Jones kết thúc chuỗi giảm dài nhất kể từ 1974

Tín hiệu không khả quan từ FED, cùng với áp lực chốt lãi đè nặng lên TTCK Hoa Kỳ và các TTCK chủ chốt trước kỳ Nghỉ Lễ. Các chỉ số CK Hoa Kỳ giảm khá cùng với chuỗi giảm 10 phiên liên tiếp từ Dow Jones. Chỉ số PCE công bố thứ 6 ở mức 2.4 yoy, thấp hơn dự báo, mới giải tỏa bớt lo lắng qua đó giúp các TTCK hồi phục.

- Các chỉ số CK Hoa Kỳ giảm bình quân -2.1%, EU600 -2.8%, Nikkei 225 -2.0%; CSI 300 -0.1%.

- Chỉ số hàng hóa -0.5%, các mặt hàng giảm trên diện rộng như giá dầu -2.6%, vàng và các kim loại giảm từ 1-4%; ngược lại giá khí tự nhiên +14%, hàng nông sản cà phê, cacao, gỗ tăng từ 2-5%.

- Chỉ số DXY và TP Hoa Kỳ 10y duy trì xu hướng tăng +0.75%, +0.12% từ các thông điệp FED.

FED hạ lãi suất 0.25% lần thứ 3 liên tiếp về mức 4.25% - 4.5% như dự báo của thị trường. Tổ chức này phát tín hiệu thận trọng về tương lai. Biểu đồ dot-plot thể hiện kỳ vọng lãi suất của các thành viên cho thấy FED dự báo chỉ hạ thêm 2 lần trong năm 2025, giảm một nửa so với dự báo vào tháng 9, 2 lần vào 2026 và 1 lần vào 2027. Ủy ban cũng điều chỉnh mức lãi suất "trung lập" dài hạn lên 3%, cao hơn 0.1% so báo cáo tháng 9. FED nâng dự báo GDP cả năm thêm 0.5% lên mức 2.5% và tăng lạm phát tổng thể và lạm phát lõi lên mức 2.4% và 2.8%. Quyết định FED năm 2025 điều chỉnh theo dữ liệu thực tế tuy nhiên đây là thông điệp rõ ràng cho thị trường.

GDP công bố lần cuối của Anh, Canada; Biên bản chính sách tiền tệ NHTW Úc; Đơn hàng lâu bền, doanh thu bán nhà mới chỉ số niềm tin và Đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ là thông tin chú ý trong tuần tới khi các quốc gia bước vào kỳ nghỉ Lễ.

Diễn biến thị trường hàng hóa

Hàng hóa	Đơn vị	20/12/2024	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
Vàng	USD/ozt	2,622.9	1.1%	-1.0%	-1.0%	28.2%
Bạc	USD/ozt	29.5	1.6%	-3.4%	-4.3%	21.0%
Thép HRC	USD/T.	679.0	0.0%	0.6%	-0.1%	-36.8%
Nhôm	USD/MT	2,512.8	1.2%	-2.1%	-4.3%	13.5%
Niken	USD/MT	15,198.7	1.7%	-2.8%	-3.4%	-9.1%
Quặng sắt	CNY/MT	786.0	-0.3%	-3.9%	0.5%	-22.4%
Dầu Brent	USD/bbl.	72.9	0.1%	-2.1%	0.2%	-8.1%
Dầu WTI	USD/bbl.	69.5	-0.6%	-2.6%	0.9%	-6.0%
Xăng	USD/gal.	194.2	1.0%	-3.0%	-5.1%	-10.0%
Than đá	USD/MT	127.4	0.2%	-2.6%	-10.0%	-12.3%
Đậu tương	USD/bu.	974.5	1.2%	-1.4%	-1.6%	-24.9%
Cao su	JPY/kg	371.4	0.0%	-1.1%	0.8%	56.1%
Đường	USD/MT	510.4	0.2%	-3.3%	-8.7%	-13.0%

Nguồn: Bloomberg

TTCK VIỆT NAM

Thị trường lui về vùng cân bằng hơn dưới 1,260 điểm

VN-Index giảm tuần thứ 2 liên tiếp 0.3% với thanh khoản gần như đi ngang so tuần trước. TTCK Chứng khoán Hoa Kỳ điều chỉnh, khối ngoại bán ròng, áp lực tỷ giá và dòng tiền suy yếu khiến cho VN-Index giằng co và lui về vùng điểm cân bằng hơn.

- Các cổ phiếu lớn phân hóa trong tuần HĐTL đáo hạn và ETF cơ cấu danh mục. HVN tăng mạnh trong khi phần lớn các cổ phiếu lớn chịu áp lực giảm.

- Thị trường phân hóa mạnh với 11/18 ngành tăng điểm. Bảo hiểm, tài nguyên, ngân hàng giảm trên 1% trong khi hàng và DV công nghiệp tăng trên 1%.

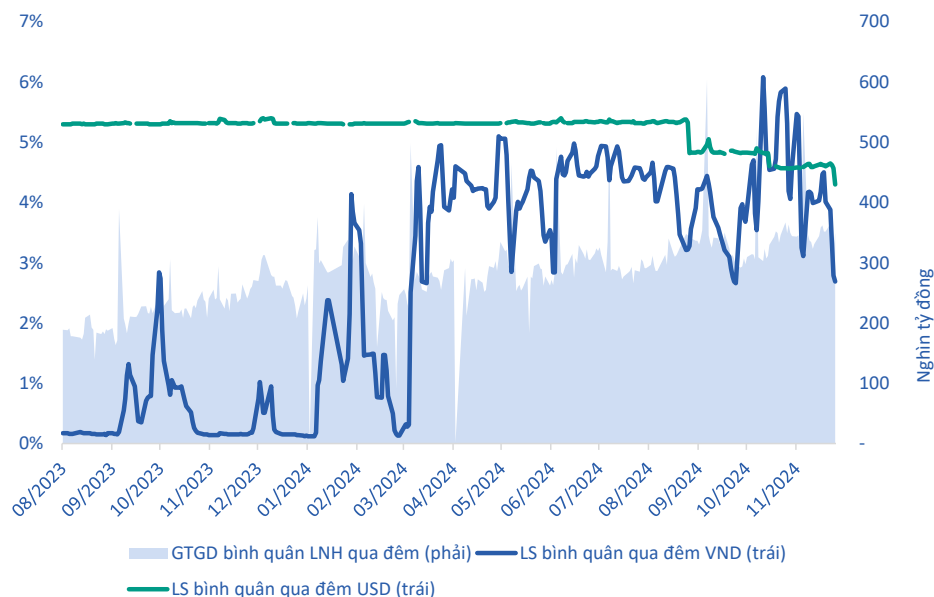
- Khối ngoại bán ròng 50 triệu USD so với mức bán ròng 46 triệu USD tuần trước.

Hoạt động cơ cấu tổ chức chính trị tiếp tục nóng lên trong thời gian qua. Bộ nội vụ thông báo Chính phủ sẽ giảm 5 bộ còn 13 bộ và 04 cơ quan ngang bộ, giảm 3 cơ quan còn 5 cơ quan thuộc Chính phủ, giảm 12/13 Tổng cục, 500 cục thuộc Tổng cục, 177 vụ thuộc Bộ. Cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy theo phương châm Trung ương làm trước, đại phương làm sau. Không ai bị bỏ phía sau trong quá trình tinh gọn bộ máy, tập trung khuyến khích đối tượng nghỉ ngay và sau 12 tháng khi tổ chức thực hiện sắp xếp.

Thị trường chưa có thay đổi so tuần trước về xu hướng và thanh khoản, hoạt động trading với biên lợi nhuận mỏng tiếp tục được khuyến nghị cho đến khi xu hướng mới được xác nhận.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch trên OMOs (đvt: tỷ đồng)

Tuần	Giá trị hút	Giá trị bơm	Giá trị bơm ròng	Outstanding
Tuần 43	54,650.0	13,014.6	(41,635.4)	(53,935.4)
Tuần 44	36,564.6	38,399.9	1,835.3	(52,100.1)
Tuần 45	37,949.9	103,399.9	65,450.0	13,349.9
Tuần 46	92,549.9	123,499.7	30,949.8	44,299.7
Tuần 47	103,599.7	109,250.0	5,650.3	49,950.0
Tuần 48	77,980.0	61,949.9	(16,030.2)	33,919.8
Tuần 49	74,474.9	33,950.0	(40,524.9)	(6,605.0)
Tuần 50	46,950.0	53,549.9	6,599.9	(5.1)
Tuần 51	101,422.9	29,971.9	(71,451.0)	(71,456.1)

Nguồn: SBV, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng trong tuần

	Qua đêm	1 tuần	1 tháng	3 tháng
Lãi suất LNH BQ	3.16%	3.76%	4.83%	5.29%
So với tuần trước	-1.08%	-0.67%	-0.03%	-0.11%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	349,643.8	13,978.0	4,060.0	3,301.5
So với tuần trước	-1.13%	-8.35%	-31.23%	-9.63%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 19/12/2024

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 51, SBV đã phát hành 50,423.0 tỷ đồng giá trị tín phiếu, đồng thời mua 13,996.9 tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng cộng, SBV đã hút ròng -71,451.0 tỷ đồng qua OMOs.
- Lãi suất liên ngân hàng VNĐ giảm mạnh.

PTKT: VN-Index tạm cân bằng quanh SMA 100 và 200

Đồ thị ngày: VN-Index có 3 phiên giằng co trên SMA 100 và SMA200, trước khi có phiên giảm tạo gap dưới các ngưỡng này. Chỉ số duy trì trên SMA 20 và thanh khoản tăng lên tuy nhiên giao dịch có phần bị gây nhiễu bởi HĐTL đảo hạn và ETF cơ cấu lại danh mục. Các cây nến doji có bóng nến dài trong phiên giảm vẫn cho thấy lực cầu đã xuất hiện ở vùng giá thấp, tạo thế cân bằng. Các chỉ báo kỹ thuật giảm về vùng trung tính và chưa có xuất hiện các dấu hiệu phân kỳ đảo chiều ngắn hạn.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giảm 55 xuống 50 điểm.
- MACD khẽ chạm đường tín hiệu từ trên xuống và mức 0. Thanh khoản giảm nhẹ 1% so với giao dịch tuần trước.
- VN-Index giữ trên SMA 20 nhưng giảm SMA 50, 100 và 200.

Kết luận: VN-Index đã dần điều chỉnh xuống vùng giá cân bằng hơn quanh 1,260 điểm. Thanh khoản gia tăng nhưng bị gây nhiễu từ hoạt động cơ cấu danh mục. Diễn biến thị trường giằng co, khối lượng cổ phiếu tích lũy lớn trên quanh 1,270 vẫn là lực cản trong quá trình kiểm tra đỉnh. Thị trường vẫn chưa xuất hiện yếu tố đột biến để tạo đà xoay chuyển và VN-Index dự báo tiếp tục giằng co quanh ngưỡng 1,258 – 1,260 điểm, hội tụ bởi các đường SMA ngắn, trung và dài hạn, trước khi có thêm chuyển biến mới.



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index

Mã	% Tăng	Điểm số
HVN	10.57	1.51
VNM	1.25	0.41
KDH	4.06	0.34
GEE	11.56	0.25
SSI	1.74	0.21
GEX	5.14	0.20
LPB	0.75	0.16
YEG	29.25	0.14
REE	1.80	0.14
DBC	6.17	0.13
Tổng		3.49

Top giảm điểm số VN-Index

Mã	% Giảm	Điểm số
TCB	-2.26	-0.95
VCB	-0.64	-0.82
HPG	-1.84	-0.78
GVR	-1.59	-0.49
VPB	-1.31	-0.48
SSB	-3.75	-0.45
VJC	-3.13	-0.42
ACB	-1.39	-0.38
BVH	-3.76	-0.36
MBB	-1.03	-0.32
Tổng		-5.44

Khối ngoại mua ròng

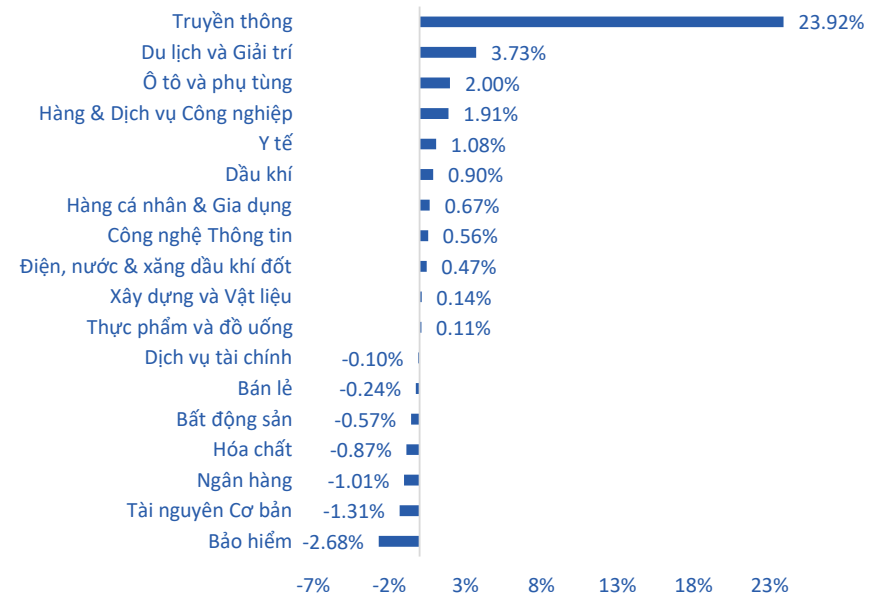
Mã	Mua ròng (tỷ đồng)
SIP	185.63
VIX	155.63
HDB	150.76
KDH	140.04
VNM	133.01
DBC	80.62
FRT	71.33
MCH	63.41
DGC	39.81
VTP	37.96
Tổng	1,058.20

Khối ngoại bán ròng

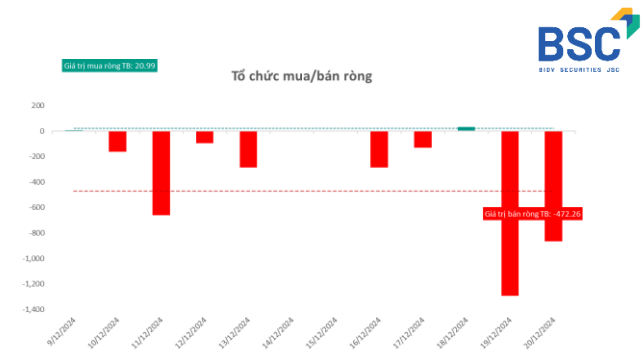
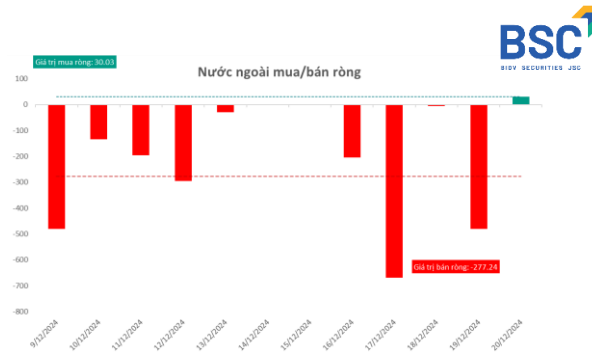
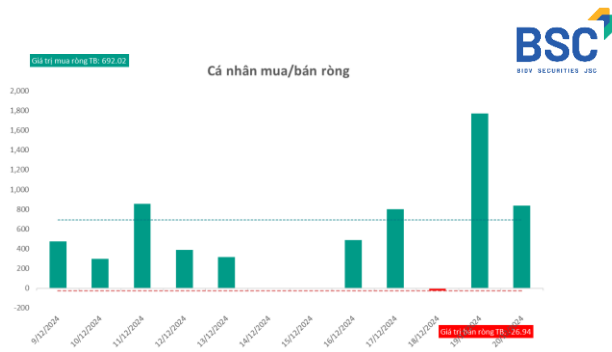
Mã	Bán ròng (tỷ đồng)
HPG	-274.67
BID	-152.44
VCB	-152.01
VPB	-130.29
NLG	-129.12
VRE	-122.49
MWG	-116.58
PDR	-111.82
MSN	-100.49
VJC	-88.50
Tổng	-1378.42

Vận động ngành

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng
Truyền thông	5.66%	23.92%	56.31%
Du lịch và Giải trí	3.03%	3.73%	6.33%
Ô tô và phụ tùng	1.03%	2.00%	5.27%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.74%	1.91%	6.99%
Y tế	0.09%	1.08%	10.23%



DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐT NN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị
GEE	13,569,700	401.55	EIB	28,050,500	-502.99	SIP	2,191,685	185.63	HPG	9,968,992	-274.67	HPG	19,621,909	534.46	VIX	15,628,207	-161.32
FUEVFVND	1,266,100	41.85	MBB	20,939,629	-485.35	VIX	15,113,907	155.63	BID	3,264,615	-152.44	EIB	29,013,500	519.91	SIP	1,339,485	-113.44
NLG	1,077,991	40.39	MWG	5,917,730	-349.73	HDB	6,352,907	150.76	VCB	1,639,269	-152.01	AGG	15,389,517	226.71	VNM	1,726,786	-112.46
E1VFN30	1,605,100	36.25	FPT	1,798,151	-266.65	KDH	3,960,333	140.04	VPB	6,913,317	-130.29	VCB	2,059,669	190.79	KDH	2,832,933	-100.33
CTR	155,900	18.87	TCB	8,453,694	-205.46	VNM	2,052,086	133.01	NLG	3,486,329	-129.12	TCB	7,614,618	184.86	VTP	654,757	-92.49
HAH	360,000	17.57	HPG	4,621,526	-124.49	DBC	2,883,185	80.62	VRE	6,861,870	-122.49	VPB	9,652,616	179.78	FRT	485,318	-90.03
DPM	398,500	14.02	HDB	4,703,118	-110.25	FRT	384,718	71.33	MWG	1,930,686	-116.58	MWG	2,520,286	151.40	DBC	2,992,958	-83.63
FUEMAVND	891,800	12.23	ACB	3,756,345	-93.39	DGC	342,161	39.81	PDR	5,066,920	-111.82	VRE	8,439,870	149.45	HSG	2,563,310	-48.45
DXG	453,928	8.10	STB	2,512,600	-84.86	VTP	268,157	37.96	MSN	1,415,710	-100.49	ACB	5,634,318	140.40	VDS	2,230,920	-46.29
HCM	228,400	6.74	VCB	772,055	-71.44	BSI	745,300	35.68	VJC	886,096	-88.50	FPT	961,435	140.34	PAN	1,732,635	-40.72

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	92.5	0.1%	0.7	20,318	4.5	6,194	14.9	0.0	23.1%	Link
BID	Ngân hàng	46.4	0.0%	1.40	10,406	5.5	4106	11.3	-	16.9%	Link
VPB	Ngân hàng	18.9	0.5%	1.00	5,893	4.9	1663	11.4	-	25.1%	Link
TCB	Ngân hàng	23.8	0.2%	1.30	6,608	4.3	3207	7.4	-	22.4%	Link
MBB	Ngân hàng	24	0.6%	1.20	5,005	3.9	4021	6.0	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	33.8	-0.1%	1.40	2,508	10.1	4640	7.3	-	23.4%	Link
CTG	Ngân hàng	36.2	-0.1%	1.60	7,629	4.9	4035	9.0	-	26.9%	Link
ACB	Ngân hàng	24.8	0.0%	0.90	4,353	4.6	3638	6.8	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	26.2	0.2%	1.50	2,024	12.7	1490	17.6	-	32.5%	Link
IDC	BĐS KCN	56.1	-1.4%	1.10	728	1.1	6634	8.5	65,700	22.6%	Link
HPG	VLXD	26.7	-0.6%	1.00	6,712	14.4	1905	14.0	41,500	21.7%	Link
HSG	VLXD	18.8	-1.1%	1.50	458	1.8	828	22.6	25,300	9.3%	Link
VHM	BĐS	40	0.4%	0.70	6,513	5.5	4700	8.6	108,300	14.5%	Link
KDH	BĐS	35.8	0.7%	1.20	1,425	7.2	522	68.7	44,500	36.6%	Link
NLG	BĐS	36.4	-0.1%	1.20	550	1.5	793	45.8	-	46.9%	Link
DGC	Hóa chất	115.4	-0.5%	1.40	1,722	5.8	7791	14.8	115,000	17.7%	Link
DCM	Phân bón	36.2	-0.3%	0.90	754	3.0	2917	12.4	38,700	6.2%	Link
GAS	Dầu khí	68.6	0.1%	0.50	6,316	0.9	4728	14.5	-	1.8%	Link
PVS	Dầu khí	34.2	-1.4%	1.10	642	3.3	1919	17.8	57,000	19.8%	Link
PVD	Dầu khí	23.9	-1.2%	1.40	522	2.2	1211	19.7	38,400	10.7%	Link
POW	Tiện ích	12.2	-1.6%	0.60	1,123	3.6	597	20.4	17,100	3.8%	Link
VHC	Thủy sản	73.3	0.1%	1.20	647	2.7	3814	19.2	108,500	28.5%	Link
GMD	Logistics	65	-0.2%	0.70	1,058	2.0	4315	15.1	90,400	48.8%	Link
VNM	Bán lẻ	65	1.7%	0.40	5,339	9.7	4591	14.2	93,100	51.5%	Link
MSN	Bán lẻ	70.3	-0.1%	1.00	4,180	7.6	898	78.3	110,000	26.3%	Link
MWVG	Bán lẻ	60.6	1.3%	1.10	3,482	8.9	2028	29.9	-	46.1%	Link
PNJ	Bán lẻ	97	-0.4%	1.10	1,288	0.7	5960	16.3	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	41.4	0.6%	1.80	356	1.3	1809	22.9	66,600	20.8%	Link
FPT	Công nghệ	149.5	0.9%	1.10	8,643	20.8	5129	29.1	107,900	45.8%	Link
CTR	Công nghệ	122.5	0.2%	1.50	551	3.9	4640	26.4	-	9.9%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
HDB	Ngân hàng	23.4	-0.4%	1.1	3,214	6.5	4,461	5.2	1.4	16.9%	27.8%
VIB	Ngân hàng	19.0	0.3%	1.1	2,219	2.4	2,412	7.9	1.4	5.0%	21.4%
TPB	Ngân hàng	15.9	-0.6%	1.4	1,651	3.5	1,840	8.6	1.2	30.0%	14.2%
MSB	Ngân hàng	11.3	0.0%	1.1	1,155	1.0	1,687	6.7	0.8	27.6%	14.9%
EIB	Ngân hàng	19.0	-0.8%	0.7	1,391	2.9	1,447	13.1	1.5	2.5%	9.9%
HCM	Chứng khoán	29.3	-0.7%	1.8	829	4.1	1,409	20.8	2.1	44.8%	10.6%
VCI	Chứng khoán	34.2	-0.7%	1.6	964	5.0	1,419	24.1	2.3	5.1%	9.6%
VND	Chứng khoán	12.7	-1.9%	1.5	760	4.0	1,503	8.5	1.0	12.1%	15.0%
BSI	Chứng khoán	48.0	0.4%	2.0	421	0.7	1,732	27.7	2.2	40.5%	9.3%
SHS	Chứng khoán	13.0	-0.8%	1.7	415	2.3	1,178	11.0	1.0	3.4%	10.5%
CTD	Xây dựng	67.3	1.7%	1.4	264	1.6	3,361	20.0	0.8	49.0%	3.6%
HHV	Xây dựng	10.9	0.0%	1.4	185	0.5	835	13.1	0.5	8.5%	4.4%
LCG	Xây dựng	10.0	-0.1%	1.4	76	0.4	825	12.1	0.8	2.0%	5.7%
SZC	BĐS KCN	42.7	-0.7%	1.0	302	1.7	1,572	27.2	2.5	2.3%	12.1%
SIP	BĐS KCN	84.4	1.7%	1.3	698	7.7	5,635	15.0	4.2	4.0%	29.0%
PHR	BĐS KCN	53.8	0.6%	0.9	286	0.3	2,858	18.8	1.9	18.0%	12.1%
DIG	BĐS	19.0	-2.8%	1.5	455	4.4	135	141.0	1.5	4.4%	1.1%
CEO	BĐS	13.7	0.0%	1.8	291	1.5	316	43.4	1.2	4.6%	2.1%
KBC	BĐS KCN	27.6	0.0%	1.4	833	2.3	549	50.2	1.1	18.9%	1.7%
VGC	BĐS KCN	43.7	0.7%	1.2	770	1.5	1,312	33.3	2.4	3.5%	8.2%
GVR	BĐS KCN	30.9	0.0%	1.6	4,858	1.2	851	36.3	2.4	0.3%	6.5%
NKG	VLXD	14.8	0.0%	1.6	259	1.1	1,736	8.5	0.7	7.5%	7.4%
BMP	VLXD	125.0	0.0%	1.1	402	0.7	12,420	10.1	3.5	84.0%	34.6%
IJC	BĐS	13.8	1.1%	1.2	206	1.1	729	19.0	1.0	4.8%	6.0%
DXG	BĐS	17.8	0.0%	1.5	506	4.3	197	90.6	1.2	18.8%	1.9%
VRE	BĐS	17.0	0.0%	1.2	1,523	2.4	1,795	9.5	0.9	19.6%	11.9%
PDR	BĐS	21.0	-0.2%	1.7	721	4.7	500	42.0	1.7	7.3%	5.0%
DIG	BĐS	19.0	-2.8%	1.5	455	4.4	135	141.0	1.5	4.4%	1.1%
HUT	Xây dựng	15.7	-0.6%	0.7	551	1.1	75	208.9	1.6	1.5%	1.7%
C4G	Xây dựng	7.7	-1.3%	1.00	-	0.1	573	13.4	0.7	0.0%	4.8%

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CSV	Hóa chất	45	4.7%	1.6	195	7.2	2,122	21.2	3.4	2.4%	15.2%
DHC	Hóa chất	35.8	1.6%	1.0	113	0.5	3,330	10.8	1.5	40.5%	13.3%
DRC	Cao su	29.4	1.6%	0.9	138	0.7	2,259	13.0	1.8	9.1%	16.5%
PC1	Tiện ích	22.8	0.7%	1.1	320	0.9	1,511	15.1	1.3	6.6%	6.1%
HDG	Tiện ích	30.2	0.2%	1.3	399	4.3	2,116	14.3	1.6	20.0%	11.8%
GEX	Tiện ích	19.4	1.3%	1.4	657	3.1	1,207	16.1	1.2	5.8%	7.0%
QTP	Tiện ích	14.7	2.1%	0.5	-	0.1	1,500	9.8	1.2	0.9%	11.2%
PLX	Dầu khí	39.0	-1.0%	0.7	1,948	0.9	2,350	16.6	1.9	17.6%	13.8%
BSR	Dầu khí	22.4	1.4%	1.1	-	3.1	966	23.2	1.2	0.6%	13.4%
PLC	Dầu khí	20.5	-1.9%	1.2	65	0.1	611	33.6	1.3	0.4%	4.7%
ANV	Thủy sản	20.4	-1.2%	1.2	213	3.2	315	64.5	0.9	1.4%	1.2%
PTB	VLXD	63.9	0.2%	1.1	168	0.3	4,944	12.9	1.5	23.6%	11.9%
VSC	Logistics	15.8	1.9%	1.1	178	3.3	737	21.4	1.1	2.3%	7.3%
HAH	Logistics	49.3	1.6%	0.9	235	4.5	3,571	13.8	2.0	13.3%	10.6%
VTP	Logistics	142.0	1.6%	1.5	680	6.8	2,929	48.5	11.6	7.7%	22.8%
DBC	Bán lẻ	28.4	0.2%	1.6	374	4.6	1,604	17.7	1.5	7.9%	5.0%
FRT	Bán lẻ	184.0	-0.1%	0.8	985	2.7	775	237.5	13.9	36.2%	11.8%
QNS	Bán lẻ	50.8	-0.4%	0.5	-	0.4	6,553	7.8	2.0	12.1%	28.7%
TNG	Dệt may	26.3	1.2%	1.2	127	3.7	2,427	10.8	1.7	17.3%	14.7%
PVT	Logistics	27.8	0.9%	1.0	389	2.9	3,130	8.9	1.3	12.5%	14.2%
DPM	Phân bón	35.1	-0.3%	1.0	540	2.2	1,700	20.6	1.2	8.8%	5.5%
REE	Tiện ích	67.7	0.6%	0.9	1,253	1.5	3,860	17.5	1.8	49.0%	10.0%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Đối với Khách hàng tổ chức Đối với Khách hàng cá nhân

Phòng TVĐT và môi giới KHTC Trung tâm tư vấn i-Center
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 659 (024) 39264 660

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký